

CHÍNH SÁCH CỦA MỸ Ở TRUNG ĐÔNG THỜI GIAN QUA

Đỗ Trọng Quang*

I. ĐƯỜNG LỐI HÀNH ĐỘNG CỦA MỸ Ở IRÁC

Tháng 3/2003, liên quân do Mỹ cầm đầu phát động cuộc chiến tranh vùng Vịnh lần thứ hai, nhanh chóng lật đổ chính quyền Saddam Hussein. Hai tháng trước khi lực lượng Mỹ tiến vào Irắc, ngoại trưởng Mỹ lúc đó là Colin Powell đã cảnh báo tổng thống George W. Bush về những khó khăn mà Mỹ sẽ vấp phải. Đồng thời, một quan chức cao cấp của EU (Liên minh châu Âu) là Javier Solana cũng nói là “sau hậu quả quân sự là sự hỗn loạn về dân sự”. Dư luận thế giới phân vân không hiểu Mỹ có thể giúp Irắc xây dựng một chế độ chính trị mới, dân chủ hơn không? Cũng vào thời gian đó, tin tức tình báo tiên đoán về một cuộc nổi dậy sẽ nổ ra ở nước này và ý định của Mỹ muốn xây dựng một chế độ dân chủ tại đây sẽ chẳng dễ dàng thực hiện trong một thời gian ngắn.

Cả dân chúng Irắc lẫn một bộ phận nhân dân Mỹ đều không muốn người Mỹ ở lại nước đó quá lâu. Hai giáo phái mâu thuẫn nhau của đạo Hồi là dòng Sunni và dòng Shi-ai đều mong muốn quân đồng minh rút về nước. Thêm vào đó, những nước phản đối cuộc chiến tranh ở đây tuyên bố rằng họ sẽ không đóng góp vào công cuộc tái thiết Irắc nếu Liên hợp quốc không đứng ra đảm nhiệm việc đó. Nhiều người nghĩ rằng khối NATO nên gánh vác trách nhiệm giúp Irắc về quân sự, còn các nước đứng ngoài cuộc chiến thì hỗ trợ nước đó về kinh tế. Theo ý kiến của EU, thì Mỹ nên chấp nhận vai trò của Liên hợp quốc, và tuyên bố rõ là chính phủ nước Irắc mới có thể đưa ra những quyết định trái với ý kiến và lợi ích của Mỹ. Ngoài ra, một số quyết định của người thay mặt chính phủ

Mỹ là Paul Bremer cần được hủy bỏ. Trong khi người Mỹ vấp phải những vấn đề nan giải ở Irắc, thì tình hình Iran và Palestín ngày một phức tạp.

Tuy nhiên, tổng thống Mỹ vẫn có một cách nhìn lạc quan về Trung Đông hồi tháng 5/2004: “Chúng tôi tin rằng khi tất cả các dân tộc Trung Đông cuối cùng được phép sống và suy nghĩ, làm việc và thờ cúng như những người đàn ông và phụ nữ tự do, họ sẽ lấy lại sự vĩ đại trong di sản của họ. Và khi ngày đó đến, nỗi cay đắng và sự hận thù cháy bỏng nuôi dưỡng chủ nghĩa khủng bố sẽ phai nhạt và tan biến. Nước Mỹ và toàn thế giới sẽ an toàn hơn khi niềm hy vọng trở lại Trung Đông”¹.

Nếu như vụ khủng bố 11/9 là một thử thách lớn đối với nhiệm kỳ thứ nhất của tổng thống Bush, thì nhiệm kỳ thứ hai của ông phải đương đầu với tình hình Trung Đông. Tính khả thi và sự sáng suốt của chính sách sẽ được thể nghiệm ở Irắc, tại nước Iran láng giềng, trong cuộc xung đột Ixraen-Palestín, cũng như ở thành công hay thất bại của nỗ lực thúc đẩy cải cách chính trị và mở rộng dân chủ tại một khu vực mà thế lực tôn giáo cực đoan chiếm ưu thế.

Chưa nước nào cam kết biến đổi cơ bản một khu vực rộng lớn của thế giới như Mỹ đã làm từ năm 2001. Chính quyền của ông Bush bắt đầu thí nghiệm xây dựng chế độ dân chủ tại Irắc, một nền dân chủ sẽ làm khuôn mẫu cho các nhà nước độc đoán khác ở Trung Đông. Cuộc chiến tranh mà người Mỹ tiến hành ở Irắc bề ngoài là để ngăn chế độ Saddam Hussein phát triển vũ khí hủy diệt hàng loạt (WMD), nhưng mục đích cuộc chiến không phải là vấn đề vũ khí, mà là chế độ chính trị ở Baghdad, bởi sau khi chiến tranh kết thúc, người ta không phát hiện được dấu vết của chương

* Tiến sĩ, Nguyên cán bộ Viện Thông tin Khoa học Xã hội

trình WMD, cũng như chẳng tìm thấy bằng chứng nào về quan hệ giữa Saddam Hussein với Al Qaeda.

Cuộc tấn công của Mỹ tháng 3/2003 được xem như cách biểu dương sức mạnh của người Mỹ, vì thành công chớp nhoáng của chiến dịch đã gây một cơn choáng trong khu vực. Ý đồ cuộc hành quân có lẽ là để dạy cho người Hồi giáo bài học về ngôn ngữ của sức mạnh, vì khi họ chứng kiến sự sụp đổ nhanh chóng của chế độ Saddam Hussein, các nhà nước độc đoán trong khu vực sẽ rung chuyển. Người Mỹ cho rằng các nhà nước đó sẽ lấy Irắc làm gương mà khôn ngoan quy phục ý chí của siêu cường độc nhất trên thế giới. Nhưng tuy người Arập sững sờ khi thấy chế độ Baghdad bị đánh bại dễ dàng, họ vẫn hoan nghênh Saddam ở một điểm là ông ta không chịu khuất phục sức mạnh của Mỹ.

Cơn choáng của dân Arập không kéo dài lâu, khi lực lượng Mỹ không giải quyết được tình hình hỗn loạn diễn ra sau khi Baghdad thất thủ, không thể đương đầu với thách thức của việc cai quản một đất nước hơn 22 triệu dân này, và thế là họ giậm dũ. Trước khi phát động cuộc chiến, Lầu Năm góc tính toán rằng phân lớn lực lượng Mỹ có thể rút nhanh chóng khỏi Irắc, nhưng bây giờ tình hình xảy ra trước mắt khiến kế hoạch đó không thực hiện được.

Ít ai nghĩ rằng Mỹ sẽ bị đánh bại về quân sự tại Irắc, nhưng thắng lợi của người Mỹ có phảng phất mùi thất bại khi chi phí của họ trong năm 2005 vượt quá 250 tỷ USD, nạn thất nghiệp của dân Irắc còn ở mức từ 30 đến 40%, lực lượng an ninh Irắc bất lực, người Mỹ gặp khó khăn khi đối phó với cuộc nổi dậy mà họ không lường trước được quy mô và thời gian. Hơn 150.000 quân nhân Mỹ được triển khai ở Irắc, cùng với lực lượng đồng minh khoảng 25.000 người. Cuộc chiến đầu diễn ra gay go, 11.000 binh sĩ Mỹ thương vong trong năm 2004. Lực lượng vũ trang Irắc kém hiệu quả đến nỗi cuối tháng 11/2004, các quan chức quân sự cao cấp nước này ước tính rằng binh lính của họ chỉ có thể đảm đương nhiệm vụ sau 10 năm nữa. Tháng 5/2004, Tổng thống Bush nói rằng 150.000 binh sĩ và nhân viên cảnh sát Irắc sẽ được huấn luyện kịp thời để bảo vệ cuộc bầu cử quốc hội sắp tới, nhưng chỉ 60% số đó được huấn luyện chưa đầy đủ.

Cuộc bầu cử ở Irắc được dự kiến vào ngày 30/1/2005, mặc dầu nhiều người Hồi giáo dòng Sunni đe dọa tẩy chay và nhiều chính đảng ôn hòa kêu gọi hoãn lại 6 tháng nữa. Tuy nhiên, các quan chức Mỹ nhắc lại rằng bầu cử vẫn được tiến hành theo kế hoạch. Đại sứ John Negroponte của Mỹ nhấn mạnh rằng cuộc bỏ phiếu tháng 1/2005 là kỳ bầu cử đầu tiên trong năm đó, kỳ thứ hai và thứ ba sẽ được tổ chức để thông qua một hiến pháp và bầu một chính phủ quốc gia. Nhưng tại thành phố Mosul ở phía bắc mà người Kurd là thành phần dân số chủ yếu, nơi hầu hết cảnh sát bỏ nhiệm sở do sức ép của các phần tử nổi dậy cuối năm 2004, lúc đó người ta phân vân không hiểu cuộc bỏ phiếu sẽ diễn ra như thế nào, chưa kể cuộc bầu cử được tổ chức tại vùng người Hồi giáo dòng Sunni, nhất là ở thành phố Falluja, trung tâm cuộc nổi dậy và là mục tiêu một cuộc tấn công lớn của quân đội Mỹ và lực lượng Irắc tháng 11 năm đó.

Theo kế hoạch lúc ấy thì sau cuộc bầu cử, số đại biểu trong quốc hội sẽ được phân chia theo tỉ lệ phiếu mà từng chính đảng thu được của cử tri. Nếu các đảng theo chủ nghĩa Hồi giáo giành được đa số ghế, thì họ sẽ nhấn mạnh vai trò của đạo Hồi trong xã hội và chính trường Irắc. Mọi người chắc chắn rằng người Hồi giáo dòng Shi-ai giành được đa số ghế và kiểm soát quốc hội vì đảng lớn nhất là *al-Dawa* (Tiếng gọi), do *ayatollah* (thủ lĩnh Hồi giáo) Mohammed Baqir al-Sadr thành lập, có đa số đảng viên là người Shi-ai. Trước đây, đường lối chính trị Irắc do liên quân gợi ý lúc đầu theo hướng thế tục đã bị Quyền Thủ tướng Ayad Allawi nhanh chóng gạt bỏ khi chủ quyền được chính thức chuyển giao ngày 28/6/2004. Các nhà chiến lược Mỹ thất vọng vì mới đầu tưởng người Hồi giáo dòng Shi-ai ở Irắc chủ yếu theo hướng thế tục, bây giờ mới biết mình nhầm. Liên quân thoát tiên gạt bỏ Đại Giáo chủ Ali Sistani, đến nay võ lễ rằng ông có lẽ là vị thủ lĩnh có ảnh hưởng nhất ở Irắc, giấc mộng xây dựng quốc gia này thành một nhà nước dân chủ trở thành một kế hoạch bất khả thi. Xung đột giữa các giáo phái luôn luôn xảy ra, tình thế có thể dẫn đến nội chiến.

Nếu cuộc bầu cử tháng 1/2005 bị hoãn, dư luận có thể nghĩ rằng Mỹ sa lầy nhiều

hơn ở Irắc, và điều quan trọng hơn là cuộc bầu cử sẽ tiêu biểu cho việc chuyển giao quyền lực chính trị từ chế độ trước kia do người Hồi giáo dòng Sunni chi phối sang tay cộng đồng Shi-ai chiếm 60% tổng dân số nước này. Đại Giáo chủ Sistani mong cuộc bầu cử diễn ra đúng kế hoạch, vì sự trì hoãn có thể sinh rối loạn thêm và bị cộng đồng Shi-ai chống lại, như cuộc chống trả ở thành phố thánh địa Najab do Muqtada al-Sadr cùng lực lượng dân quân Mahdi của ông ta tiến hành mùa hè năm 2004. Tuy lực lượng của Muqtada al-Sadr bị tổn thất nặng, nhưng giáo sĩ này được người Hồi giáo dòng Shi-ai ngưỡng mộ, chỉ kém Đại Giáo chủ Sistani.

Hơn nữa, tinh thần dân tộc cũng là động lực thúc đẩy dân chúng nổi dậy chống quân chiếm đóng. Nòng cốt cuộc nổi dậy lại là cộng đồng người Hồi giáo Sunni bị mất quyền, với bản sắc tôn giáo được khẳng định mạnh mẽ. Trong khi đó, quan chức Mỹ thường đánh giá thấp sức chiến đấu dai dẳng của các phân tử chống đối. Họ không nhớ bài học của Ixraen trước khi quân đội nước này rút khỏi Libăng tháng 5/2000. Lực lượng Ixraen đã phải đương đầu với cuộc kháng chiến của một đội ngũ mà bộ khung vền vẹn có 500 người, các chiến binh khác chỉ là những phân tử *mujahedeen* tham gia không trọn vẹn. Họ là thợ thủ công, người làm bánh mì, công nhân cơ khí..., họ đi khỏi nhà vài ngày để chiến đấu, sau đó lại trở về với công việc làm ăn thường ngày.

Tại Irắc, giống như ở Libăng, một lực lượng nhỏ trong làng có thể trở thành một đội quân đông đảo, khi lực lượng đó có thêm bạn bè, thân thích và người cùng tôn giáo tham gia. 10 phân tử nổi dậy có thể dễ dàng trở thành 100 người. Sau cuộc tấn công vào thành phố Falluja, viên chỉ huy lính thủy đánh bộ Mỹ khẳng định đã “bẻ gãy xương sống cuộc nổi loạn”, nhưng dù xác quân nổi dậy có thể chất thành đồng, nhưng chừng nào họ còn gây được không khí hoang mang, thì quan chức Mỹ chưa thể quả quyết đã nắm ưu thế.

Đường lối hành động của Mỹ thời gian đó dựa vào hy vọng rằng cuộc bầu cử tháng 1/2005 sẽ diễn ra đúng kế hoạch, tạo điều kiện thành lập một quốc hội hợp pháp chịu trách nhiệm soạn thảo hiến

pháp mới. Rõ ràng nếu cuộc bầu cử không bị tẩy chay, không bị bạo lực phá hoại, thì kịch bản này có thêm cơ hội thành công. Lực lượng an ninh Irắc sẽ chiếm được lòng tin của dân chúng, và có thể tranh thủ thời gian huấn luyện thêm. Ngoài ra, còn có khả năng các nước khác đồng ý đóng góp vào công cuộc tái thiết Irắc.

Tuy nhiên, cuộc nổi dậy vẫn tiếp diễn ở mức độ nghiêm trọng sau khi bầu cử được tiến hành. Như thế là quân đội Mỹ còn phải gánh trách nhiệm nặng nề. Tiến độ huấn luyện lực lượng an ninh Irắc đã chậm chạp, còn thêm khả năng một số binh lính và cảnh sát có cảm tình với phong trào nổi dậy. Một số nhà quan sát dày kinh nghiệm nói rằng nước Mỹ đang ở trong một ngõ hẻm tam tối và cần ra khỏi đây, chứ không phải đã nhìn thấy ánh sáng le lói cuối đường hầm.

II. CHÍNH SÁCH CỦA MỸ ĐỐI VỚI IRAN

Khi cộng đồng Hồi giáo dòng Shi-ai đang nổi trội trên chính trường Irắc, và lúc nhiều quan chức cao cấp Mỹ tiên đoán phải mất 4 hay 5 năm nữa thì trật tự mới được khôi phục, thì điều quan trọng đối với Mỹ là hòa giải với Iran, vì dân Hồi giáo Shi-ai ở Iran có nhiều khả năng góp phần gây rối trong những người người đồng đạo tại Irắc. Kể từ khi cuộc cách mạng Hồi giáo nổ ra ở Iran năm 1979, quan hệ giữa nước này với Mỹ bị coi là một thất bại của chính sách ngoại giao ở cả hai bên. Cách đây chưa đầy 30 năm, Mỹ và Iran từng là đồng minh và bạn bè thân thiết, nhưng đột nhiên trở thành đối thủ sau cách mạng Hồi giáo. Một xứ sở bên ngoài là một trong các quốc gia theo xu hướng thế tục mạnh nhất Trung Đông, đã trở thành một nhà nước thần quyền. Sau vụ bắt cóc con tin ở Đại sứ quán Mỹ tại Têhêran và việc cắt đứt quan hệ ngoại giao, hai đối thủ đã tiến đến gần bờ vực chiến tranh.

Bang giao xấu đi nhiều từ cuộc khủng hoảng con tin dưới thời Tổng thống Jimmy Carter, tiếp theo là vụ tai tiếng chống Iran của ông Ronald Reagan, và bây giờ là Tổng thống George W. Bush với lời công kích Iran nằm trong “trục ma quỷ”. Xung đột và căng thẳng là khuôn mẫu của quan hệ Mỹ - Iran trong một phân tư thế kỷ, tuy đôi khi có những diễn biến tích cực và nhiều trường hợp hai bên coi trọng lợi ích

chung trong vấn đề Apganixtan, Irắc, và chống buôn bán ma túy xuyên quốc gia. Bây giờ xung đột giữa hai bên có nhiều nguồn gốc, nhưng thường tập trung ở lời cáo buộc Iran vi phạm nhân quyền, tiếp tay cho chủ nghĩa khủng bố nước ngoài, giúp đỡ các phần tử tôn giáo cực đoan chính thống trong thế giới Ả-rập, phá hoại quá trình hòa giải giữa Ixraen và Palextin, tìm kiếm vũ khí hủy diệt hàng loạt. Năm 1995, quyết định cấm vận hoàn toàn Iran về thương mại là một trong những phản ứng đáng kể nhất của chính phủ Mỹ.

Về phía Iran, sau khi đã kích Mỹ đã giúp đỡ quốc vương Mohammad Reza trở lại cầm quyền ở Têhêran năm 1953, chính phủ nước này nhắc lại là đã ký Hiệp ước Không phổ biến Vũ khí Hủy diệt hàng loạt (NPT), và cần có năng lượng hạt nhân để sử dụng vì mục đích dân sự. Iran còn tuyên bố hoạt động tự vệ của mình là cần thiết trong một thế giới thù địch, nhất là ở khu vực Trung Đông thiếu ổn định. Iran biện hộ cho các biện pháp phòng thủ của mình trong tình hình khu vực bất ổn, bắt đầu là sự sụp đổ Liên bang Xô viết và việc xuất hiện 6 quốc gia mới ở láng giềng, vụ xung đột với Irắc, hai cuộc chiến tranh vùng Vịnh, tình hình đối đầu đang tiếp diễn giữa Ixraen và Palextin. Vấn đề gây căng thẳng nhất hiện nay giữa Mỹ và Iran là sự nghi ngờ đối với chương trình sản xuất vũ khí của Iran, mặc dầu quan chức nước này trước sau tuyên bố năng lượng hạt nhân của họ chỉ để sản xuất điện. Các *ayatollah* cũng nói rằng luật đạo Hồi không cho phép chế tạo vũ khí hạt nhân.

Ngày 11/11/2003, thư ký Hội đồng An ninh Quốc gia Tối cao của Iran là Hassan Rowhani khẳng định rằng, vũ khí hạt nhân cùng các vũ khí hủy diệt hàng loạt khác “không quan trọng cho học thuyết phòng thủ của chúng tôi”. Iran còn cam kết theo đuổi mục tiêu thiết lập một khu vực và một thế giới phi hạt nhân. Nhưng trước đó, tháng 2/2003, dư luận đã lo ngại khi chính phủ nước này thông báo đang xây dựng tại Arak một nhà máy sản xuất nước nặng, và sẽ có một lò phản ứng mới sử dụng *uranium* thiên nhiên. Thế là cuộc tranh cãi giữa Mỹ và Iran càng diễn ra gay gắt.

Dù những lời công kích nhau này có giá trị hay không, thì vẫn rõ ràng là cả Mỹ,

các đồng minh châu Âu, lẫn Cơ quan Năng lượng Nguyên tử Quốc tế (IAEA) đều không đồng tình với Iran về chính sách hạt nhân. Như vậy thì trong nhiệm kỳ thứ hai của tổng thống Bush, liệu có khả năng đối thoại một cách xây dựng với Iran không, khi bầu không khí nghi ngờ nhau đã có lịch sử lâu dài, và Iran vẫn tuyên bố không ngừng chương trình hạt nhân như ta thấy gần đây. Một số quan chức cao cấp Mỹ như ông Zbigniew Brzezinsky, nguyên cố vấn an ninh quốc gia, và ông Robert M. Gates, cựu giám đốc CIA, đề nghị chính phủ Mỹ nên “đối thoại trực tiếp với Iran về những vấn đề cụ thể của ổn định hóa khu vực” và đề cập tới Apganixtan, chủ nghĩa khủng bố, và Irắc. Đồng thời Mỹ cần cộng tác với các đồng minh châu Âu ép Iran đình chỉ mọi hoạt động làm giàu *uranium*, nhưng nên mở rộng quan hệ chính trị, kinh tế và văn hóa với nước đó.

Đã đến lúc hai bên phải thấy lợi ích của đối thoại xây dựng, hai quốc gia nên thông cảm và nhân nhượng nhau. Iran nên có thái độ minh bạch về vấn đề hạt nhân và ngừng quá trình làm giàu *uranium*, còn Mỹ cần từ bỏ lệnh cấm vận và trừng phạt kinh tế. Phần lớn các nhà phân tích quan hệ Mỹ - Iran nhận thấy chính sách trừng phạt và cuộc đối đầu chính trị chẳng có lợi cho bên nào.

III. CUỘC XUNG ĐỘT IXRAEN-PALEXTIN

Kinh nghiệm cho thấy vai trò quan trọng của Hoa Kỳ trong cuộc xung đột Ixraen-Palextin. Sự tồn thất sinh mạng của cả hai bên đã khiến hình ảnh nước Mỹ xấu đi trong thế giới Ả-rập, làm tổn hại quan hệ ngoại giao của Mỹ với người theo đạo Hồi, vì người ta nói ông Bush là vị tổng thống thân Ixraen nhất của nước Mỹ. Tháng 11/2004 lãnh tụ Yasir Arafat của Palextin qua đời. Sự thay đổi ban lãnh đạo Palextin tạo cơ hội thuận lợi cho Mỹ tiếp tục giữ vai trò hòa giải xung đột. Tổng thống Bush lại thúc đẩy chính quyền của ông tìm kiếm hòa bình. Tháng 11/2004, ông tuyên bố: “Tôi tin rằng chúng ta có một dịp lớn để thiết lập một nhà nước Palextin...”.

Cuối mùa xuân 2005, Thủ tướng Ariel Sharon lập kế hoạch đơn phương rút lực lượng vũ trang Ixraen. 17 khu định cư, và 7.000 dân định cư khỏi dải Gada. Nhiều người ở Washington hy vọng động thái ở

Gada là giai đoạn đầu của một loạt cuộc rút lui có thể thực hiện ở Bờ Tây, và sẽ chứng tỏ một bước tiến lớn đến hòa bình. Nhưng Ariel Sharon cho biết ông không có ý định rời bỏ hầu hết khu vực Bờ Tây hoặc để cho người Palestín thành lập một nhà nước độc lập. Nếu cuộc rút lui khỏi Gada chỉ là một cách để Israen nắm chặt Bờ Tây vì vùng này là chiến lợi phẩm thật sự đối với Sharon cùng bạn bè cánh hữu của ông, nơi sinh sống của khoảng 200.000 dân Israen trong 150 khu định cư, nếu cuộc rút lui đó nhằm mục đích nắm chắc khu vực Đông Jerusalem, chỗ cư trú của 170.000 người Israen, thì dư luận coi Mỹ là đồng lõa trong ý đồ của Israen muốn phá hoại một giải pháp khả thi.

Uy tín của nước Mỹ, nhất là của Tổng thống Bush, đã xuống mức thấp nhất tại Trung Đông, trừ ở Israen. Tháng 9/2004, một cơ quan thuộc Lâu Năm góc đã công bố một tài liệu kết luận rằng "người Hồi giáo không ghét nên tự do của chúng ta, nhưng ghét chính sách của chúng ta". Tuyệt đại đa số dân chúng phản đối cái mà họ coi là sự ủng hộ một chiều đối với Israen chống lại quyền của dân Palestín, và hoan nghênh cái mà người theo đạo Hồi xem như những chế độ chuyên chế, đặc biệt là ở Ả-rập Xê-ut, Gioocdani, Ai Cập, Pakixtan, và các nước vùng Vịnh. Ngoài ra, người Mỹ không chú ý đến hoàn cảnh chính trị mới của Palestín, không xem hoàn cảnh đó có ảnh hưởng tới việc giải quyết cuộc xung đột Israen-Palestín hay không.

Tháng 11/2004, ông Yaser Arafat qua đời tại Paris ở tuổi 75. Dù người ta yêu hay ghét Arafat, nhưng không ai phủ nhận được ông là nhân vật chủ yếu ở Palestín trong bốn thập kỷ qua. Yaser Arafat giữ nhiều chức vụ lúc sinh thời, ông là Chủ tịch Tổ chức Giải phóng Palestín (PLO), người cầm đầu phái lớn nhất của tổ chức này là Fatah, Chủ tịch Nhà nước Palestín mà PLO tuyên bố năm 1988, ngoài ra còn nắm chắc lực lượng an ninh cho đến cuối đời. Tuy Arafat không phải là nhà độc tài, nhưng dư luận nói rằng ông tập trung trong tay mọi quyền lực.

Sau khi Arafat từ trần, thời kỳ quyền lực tập trung ở một người không còn nữa, dư luận nhắc đến tên những người có thể kế tục ông, trước hết là Mahmoud Abbas, tức Abu Mazen. Tuy Abbas sẽ là nhân vật chính trị quan trọng nhất, nhưng còn

người thứ hai là Ahmed Qurei, tức Abu Ala, giữ ghế thủ tướng, chức vụ cao nhất hiện nay ở Palestín, vì tổng thống chỉ có chức năng nghi lễ. Ngoài ra, còn những nhân vật quan trọng như Faruq Qaddumi, Mahmut al-Zahhar (một quan chức của phong trào Hamas) và Marwan Barghouti (lúc đó đang bị Israen cầm tù). Tuy nhiên, sự ra đi của ông Yaser Arafat không khiến đời sống chính trị Palestín thay đổi nhiều, vì phần đông dân Palestín vẫn sống dưới sự chiếm đóng, các khu định cư của người Do Thái tiếp tục mở rộng, bức tường an ninh đang được xây dựng ở Bờ Tây mặc dù luật pháp quốc tế không công nhận tính hợp pháp của nó, các vụ đánh bom liều chết chống người Israen không suy giảm. Trong khi người Israen không tỏ dấu hiệu gì là sẽ rút khỏi các khu vực chiếm đóng, thì vấn đề phân chia Jerusalem làm thủ đô của cả hai quốc gia lại được nêu. Ai cũng rõ cả Arafat, Abbas, Barghouti lẫn các nhà lãnh đạo khác ở Palestín đều không đồng ý cách giải quyết để đền thờ al-Aqsa cùng những địa điểm khác của dân Hồi giáo và Palestín bị đặt dưới quyền kiểm soát tuyệt đối của Israen.

Đã có nhiều công thức được nghĩ ra trong những năm qua về việc phân chia Jerusalem, nhưng nếu người Palestín không đặt được thủ đô ở thành phố này, thì sẽ không có thỏa thuận hòa bình. Một vấn đề nữa cần giải quyết là bốn triệu dân tị nạn Palestín cùng con cháu họ. Người Palestín, trong khi đưa ra những đòi hỏi về chiến lược, đã tỏ ra mềm mỏng về chiến thuật ở vấn đề này cũng như về một số điểm khác, nhưng yêu cầu cơ bản của họ không thay đổi sau khi Yaser Arafat qua đời. Nếu cuộc xung đột muốn được giải quyết thỏa đáng, thì hai bên cần phải thông cảm lẫn nhau. Người Palestín phải ngăn các phần tử cứng rắn phá hoại giải pháp hai nhà nước cùng tồn tại. Người Israen cũng cần công nhận là họ phải rút khỏi Bờ Tây vĩnh viễn, phải chia Jerusalem và chú trọng tới vấn đề dân tị nạn.

Một thực tế mà người Mỹ chẳng thể bỏ qua là lực lượng không cân bằng giữa Israen và Palestín. Chắc hẳn họ biết Israen rời bỏ đại Gada chẳng phải vì sợ sức mạnh quân sự của Palestín. Người Israen rút khỏi khu vực này vì không muốn duy trì sự kiểm soát gần hai triệu dân Palestín chỉ vì 7.000 người Do Thái

định cư. Người Palestín không có khả năng dùng lực lượng quân sự buộc Ixraen rời khỏi Bờ Tây. Nếu thủ tướng Ariel Sharon được hỏi ý kiến, thì ông càng không bao giờ để Ixraen rời Bờ Tây. Người Ixraen tiếp tục xây dựng khu định cư, dựng bức tường an ninh, tự do chuyển quân ở khu vực này. Người Palestín không thể đương đầu có hiệu quả với lực lượng Ixraen, không bắt buộc được người Ixraen chấp nhận các chính sách trái ý họ, vì thế các cuộc đánh bom liều chết luôn xảy ra để đối phó, tình hình thường xuyên mất an ninh. Sự an nguy của dân thường Palestín phó mặc cho lực lượng Ixraen định đoạt.

Tóm lại, có hai điểm thể hiện rõ trong thế không cân bằng lực lượng. Thứ nhất, dân Palestín chỉ được an toàn khi họ có nhà nước độc lập. Thứ hai, họ không thể thành lập nhà nước độc lập nếu không có sự can thiệp của Mỹ, Liên minh châu Âu, Nga và Liên hợp quốc, nhất là sự giúp đỡ của Mỹ. Chỉ có thế thì sự cân bằng mới được tạo ra trong thương lượng, có thể đem lại kết quả cho cả người Palestín lẫn Ixraen.

IV. KẾT LUẬN

Chính sách của Mỹ ở Trung Đông trong những năm tới sẽ phụ thuộc vào cách lựa chọn chủ yếu và kết quả của nó. Tình hình Irắc, Iran và cuộc xung đột Ixraen - Palestín vẫn là vấn đề chính mà ông Bush phải giải quyết. Thành tựu về đối ngoại mà nhiệm kỳ thứ nhất của tổng thống Mỹ đạt được không khiến mọi người tin rằng nhiệm kỳ thứ hai sẽ thành công lớn ở Trung Đông. Chiến tranh có nguy cơ trở thành một tai họa cho nước Mỹ, cuộc nổi dậy của dân Hồi giáo Sunni và tham vọng của người Shi-ai chưa chấm dứt. Lực lượng Mỹ sẽ vướng mắc sâu ở Irắc, thương vong tiếp tục tăng, vì chẳng có tiến triển gì trên mặt trận an ninh. Một số người đã tính đến việc rút khỏi nước này sau cuộc bầu cử tháng 1/2005 nhưng đến tháng 12/2006 thì chính Nhà trắng lại chính thức tuyên bố có thể tính tới khả năng tăng quân. Ngoài ra, tình hình có thể càng căng thẳng thêm trong quan hệ giữa Mỹ và Iran vì không có tiếp xúc và thương lượng trực tiếp giữa hai bên. Câu hỏi chủ yếu là liệu hai nước có thấy lợi ích trong cuộc tiếp xúc này không và chẳng hiểu Iran có nghiêm chỉnh tuân thủ thỏa thuận về vấn đề hạt nhân cũng như về những điểm hai

bên cùng quan tâm không. Tuy nhiên, vì cả Mỹ và Iran đều thấy nếu tình hình Irắc ổn định thì mình sẽ có lợi, nên mọi người hy vọng hai nước tìm được con đường dẫn đến hợp tác trong thời gian tới, mặc dầu không khí ngờ vực và thù địch còn tồn tại.

Còn về cuộc xung đột Ixraen-Palestín thì một câu hỏi được đặt ra là: nước Mỹ có sẵn lòng góp phần giải quyết hay không, vì Mỹ có thể giữ một vai trò tích cực trong việc đó. Hiện giờ, Mỹ và Ixraen gắn bó với nhau rất chặt chẽ, nên nếu việc thành lập một nhà nước Palestín độc lập không thành công thì ác cảm trong khu vực đối với người Mỹ sẽ tăng thêm. Chắc chắn dân Trung Đông nói chung đều mong mỗi một cuộc sống tốt đẹp hơn và đều muốn có sự ổn định trong khu vực, kể cả ở Ai Cập, nơi Tổng thống Hosni Mubarak đang bị phê phán mạnh mẽ; tại Arab Xêut, một quốc gia đang có những bước đi chân chụ tiến đến cải cách chính trị; thậm chí ở xứ Bahrain nhỏ bé, trong đó dân chúng đang mong nhà vua thực hiện lời hứa về dân chủ.

Trong tình hình này, mối ngờ vực vẫn thường xuyên tồn tại đối với động cơ của Mỹ, nhiều người cảm thấy sự giả dối của Mỹ khi nói về dân chủ ở Trung Đông. Nhưng mặc dầu Mỹ chưa thành công trong việc mở rộng dân chủ, mặc dầu cuộc chiến tranh tại Irắc không góp phần chấm dứt nguy cơ khủng bố của Al Qaeda, nhiều cơ hội lớn vẫn có thể mở ra từ chiến dịch này. Tuy hình dạng nước Irắc mới chưa xuất hiện rõ, nhưng nếu Mỹ hợp tác được tốt với chính phủ nước đó, thì kết quả sẽ khiến hình ảnh nước Mỹ đẹp hơn trong thế giới Hồi giáo. Tiếc rằng tình hình Trung Đông lại thêm căng thẳng trong thời gian hiện nay, lúc cả Mỹ, EU, lẫn Cơ quan Năng lượng Nguyên tử Quốc tế đang tính đến biện pháp trừng phạt Iran. Để đáp lại, Iran tổ chức nhiều cuộc tập trận, thử tên lửa và tuyên bố không từ bỏ chương trình hạt nhân, để tỏ thái độ không khoan nhượng trước sức ép.

Chú thích

^{1,2} *Current History*, January 2005.

Tài liệu tham khảo

Current History, January 2005.

Current History, April 2005.

International Affairs, No 80, 2004.